

gia đình thuộc diện nghèo, người được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật hoặc người không có nơi cư trú nhất định thì được xét trợ cấp tiền ăn hàng tháng.

**Điều 24.** Chế độ cai nghiện đối với người chưa thành niên nghiện ma túy tự nguyện xin vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo quy định tại Chương này.

### Chương V

#### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 25.** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 26.** Người nghiện ma túy bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại với cơ quan có thẩm quyền về việc đưa người nghiện vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được thực hiện theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**Điều 27.** Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ: Công an, Tài chính, Y tế hướng dẫn việc thực hiện Nghị định này.

**Điều 28.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH** của Chính phủ số 35/2002/NĐ-CP ngày 29/3/2002 về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục A, B và C ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).

### CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung (Phụ lục) Danh mục ngành, nghề thuộc các lĩnh vực được hưởng ưu đãi đầu tư (Danh mục A), Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Danh mục B), Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Danh mục C) thay thế Danh mục A, Danh mục B và Danh mục C tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi), dưới đây viết tắt là Nghị định số 51/1999/NĐ-CP.

**Điều 2.** Quy định đối với các dự án ưu đãi đầu tư như sau:

- Dự án đầu tư thuộc Danh mục quy định tại Điều 1 Nghị định này được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Khuyến khích đầu tư trong nước mà nay không thuộc Danh mục quy định tại Điều 1 Nghị định này, vẫn được tiếp tục hưởng các ưu đãi đầu tư theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã cấp.

3. Đối với các dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, nếu đáp ứng thêm điều kiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định này, mà nhà đầu tư có hồ sơ đăng ký điều chỉnh, bổ sung ưu đãi đầu tư thì cơ quan cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư điều chỉnh, bổ sung ưu đãi cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

4. Đối với các dự án đầu tư đã triển khai thực hiện trước đây chưa đăng ký hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Nghị định số 51/1999/NĐ-CP, nếu đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 1 Nghị định này, mà nhà đầu tư có hồ sơ đăng ký ưu đãi đầu tư thì được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho thời gian ưu đãi còn lại của dự án (nếu còn), tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

5. Nhà nước không hoàn trả các khoản thuế và các nghĩa vụ tài chính mà nhà đầu tư đã thực hiện trong thời gian trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung cụ thể ngành, nghề và địa bàn được hưởng ưu đãi đầu tư theo Danh mục A, B, C.

**Điều 4.** Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc thực hiện Nghị định này, định kỳ 6 tháng một lần có sơ kết và báo cáo Chính phủ tình hình thực hiện và những vấn đề mới nảy sinh cần xử lý.

**Điều 6.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan phù hợp với các quy định của Nghị định và chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

#### Phụ lục

(ban hành kèm theo Nghị định số 35/2002/NĐ-CP ngày 29/3/2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi).  
09641172

#### DANH MỤC A NGÀNH, NGHỀ THUỘC CÁC LĨNH VỰC ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Các dự án đầu tư vào các ngành, nghề trong từng lĩnh vực sau đây được hưởng ưu đãi:

**I. Trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng; trồng cây lâu năm trên đất hoang hóa, đồi, núi trọc; khai hoang; làm muối; nuôi trồng thủy sản ở vùng nước chưa được khai thác:**

1. Trồng, chăm sóc rừng.
2. Trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả trên đất hoang hóa, đồi, núi trọc.
3. Khai hoang phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

4. Sản xuất, khai thác, tinh chế muối.
5. Nuôi, trồng các loại thủy sản ở vùng nước chưa được khai thác.
- II. Xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển vận tải công cộng; phát triển sự nghiệp giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa dân tộc:**
  1. Đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện, xây dựng cơ sở sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh vật.
  2. Đầu tư xây dựng nhà máy nước, hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt, phục vụ công nghiệp; đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước.
  3. Đầu tư xây dựng mới, hiện đại hóa: cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, bến xe, nơi đỗ xe; mở thêm các tuyến đường sắt.
  4. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tập trung ở địa bàn thuộc Danh mục B hoặc C ban hành kèm theo Nghị định này.
  5. Phát triển vận tải công cộng: đầu tư phương tiện vận tải đường sắt, vận tải hành khách đường bộ bằng xe ôtô từ 17 chỗ ngồi trở lên, vận tải hành khách đường thủy bằng phương tiện cơ giới.
  6. Đầu tư cung cấp dịch vụ kết nối Internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet tại địa bàn thuộc Danh mục B, C ban hành kèm theo Nghị định này; dịch vụ bưu phẩm, dịch vụ bưu kiện.
  7. Mở trường học bán công, dân lập, tư thục ở các bậc học: giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đào tạo trình độ cao đẳng và trình độ đại học.
  8. Thành lập cơ sở dạy nghề, nâng cao tay nghề cho công nhân.
  9. Thành lập nhà văn hóa dân tộc, đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu bảo tồn, bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc.

10. Thành lập bệnh viện dân lập, bệnh viện tư nhân khám, chữa bệnh, thành lập cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh; thành lập trung tâm hoạt động cứu trợ tập trung chăm sóc người tàn tật, trẻ mồ côi, trung tâm lão khoa.

### **III. Sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu:**

Dự án sản xuất, kinh doanh hàng hóa có mức xuất khẩu đạt giá trị trên 30% tổng giá trị hàng hóa sản xuất, kinh doanh của dự án trong năm tài chính.

### **IV. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp:**

1. Đánh bắt hải sản ở vùng biển xa bờ.
2. Chế biến nông sản từ nguồn nguyên liệu trong nước: chế biến gia súc, gia cầm; chế biến và bảo quản rau quả; sản xuất dầu, tinh dầu, chất béo từ thực vật; sản xuất sữa lỏng và các sản phẩm chiết xuất từ sữa; sản xuất bột thô; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; sản xuất nước uống đóng chai, đóng hộp từ hoa quả.
3. Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản trong nước.
4. Chế biến, bảo quản thủy sản từ nguồn nguyên liệu trong nước.
5. Dịch vụ hỗ trợ trồng cây nông nghiệp, cây công nghiệp và cây lâm nghiệp; hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; hoạt động hỗ trợ lâm nghiệp; dịch vụ thủy sản; dịch vụ bảo vệ vật nuôi; nhân và lai tạo giống; dịch vụ bảo quản nông sản, lâm sản, thủy sản; xây dựng kho bảo quản nông, lâm, thủy sản.

### **V. Nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, dịch vụ khoa học, công nghệ; tư vấn về pháp lý, đầu tư, kinh doanh, quản trị doanh nghiệp, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ:**

1. Đầu tư xây dựng cơ sở, công trình kỹ thuật:

phòng thí nghiệm, trạm thí nghiệm nhằm ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất; sản xuất vật liệu mới, vật liệu quý hiếm.

2. Đầu tư sản xuất máy tính, sản phẩm phần mềm.

3. Cung cấp các dịch vụ: nghiên cứu công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

4. Đầu tư sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử; sản xuất thiết bị viễn thông, Internet; ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông.

5. Ứng dụng công nghiệp kỹ thuật cao; ứng dụng công nghệ mới về sinh học trong: phục vụ y tế, sản xuất cây giống, con giống, phân bón sinh học, thuốc trừ sâu sinh học, vắc xin thú y; xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường, tái chế phế liệu, phế thải.

6. Ứng dụng công nghệ sử dụng hoặc sản xuất ra máy móc, thiết bị sử dụng nguồn năng lượng sinh học, năng lượng từ gió, mặt trời, địa nhiệt, thủy triều.

7. Tư vấn pháp luật, tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh, dịch vụ tư vấn về khoa học kỹ thuật; chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ.

**VI. Đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ; cải thiện sinh thái và môi trường, vệ sinh đô thị; di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi đô thị; đa dạng hóa ngành, nghề, sản phẩm:**

1. Đầu tư thêm dây chuyền sản xuất mới, đầu tư mở rộng quy mô, đầu tư đổi mới công nghệ vào ngành, nghề thuộc lĩnh vực quy định tại Danh mục này.

2. Đầu tư công trình xử lý chất thải để bảo vệ môi trường; thu gom rác thải.

3. Đầu tư di chuyển cơ sở sản xuất ra khỏi nội

thị hoặc vào khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp.

## VII. Những ngành, nghề khác:

1. Trồng mía, trồng bông, trồng chè phục vụ công nghiệp chế biến; trồng cây dược liệu; sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

2. Sản xuất đồ chơi cho trẻ em; dệt vải, hoàn thiện các sản phẩm dệt; sản xuất sợi, sợi các loại; thuộc, sơ chế da.

3. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản theo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp có quy mô trang trại trớn lên.

4. Sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tinh khiết, hóa chất chuyên dụng, thuốc nhuộm.

5. Đầu tư sản xuất: thuốc tân dược chữa bệnh cho người; thiết bị y tế, dụng cụ chỉnh hình; xe, dụng cụ chuyên dùng cho người tàn tật; xây dựng kho bảo quản dược phẩm; dự trữ thuốc chữa bệnh cho người để phòng, chống lụt, bão, thảm họa thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc phòng, chữa bệnh cho động vật và cho thủy sản.

6. Đầu tư sản xuất: khí cụ điện trung, cao thế; động cơ diezen; thiết bị, phụ tùng cho các tàu vận tải, tàu đánh cá; máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm; máy cho ngành dệt, may; máy cho ngành da; máy khai thác mỏ; máy xây dựng; rô bốt công nghiệp; đầu máy xe lửa, toa xe; xe ôtô các loại, phụ tùng xe ôtô; máy phát điện; thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, kiểm soát an toàn quá trình sản xuất công nghiệp; sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại; đóng, sửa chữa tàu, thuyền; sản xuất thiết bị xử lý chất thải.

7. Sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại mầu, kim loại quý hiếm, sắt xốp dùng trong công nghiệp; sản xuất xi măng đặc chủng, vật liệu cách âm, cách điện, cách nhiệt cao, vật liệu tổng hợp thay gỗ, chất dẻo xây dựng, sợi thủy

tinh, vật liệu chịu lửa; than cốc, than hoạt tính; sản xuất phân bón.

8. Các ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống: chạm trổ; khảm trai; sơn mài; khắc đá; làm hàng mây, tre, trúc; dệt thảm, dệt lụa tơ tằm, dệt thổ cẩm, thêu ren; sản xuất hàng gốm, sứ; sản xuất đồ đồng mỹ nghệ, sản xuất giấy dó.

9. Đầu tư xây dựng chợ loại 1, khu triển lãm; xúc tiến thương mại, hoạt động huy động vốn và cho vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân.

10. Dịch vụ hoa tiêu và cứu hộ trên biển.

11. Đầu tư xây dựng khu du lịch quốc gia, khu du lịch sinh thái; vườn quốc gia; đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa, bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí.

12. Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Đầu tư sản xuất, chế biến trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp nhỏ và vừa, cụm công nghiệp.

**DANH MỤC B  
ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ -  
XÃ HỘI KHÓ KHĂN**

**I. Các huyện thuộc tỉnh vùng núi cao:**

**1. Tỉnh Bắc Kạn**

1. Thị xã Bắc Kạn.

**2. Tỉnh Cao Bằng**

1. Thị xã Cao Bằng.

**3. Tỉnh Hà Giang**

1. Huyện Bắc Quang

2. Thị xã Hà Giang.

**4. Tỉnh Lai Châu**

1. Thị xã Điện Biên Phủ

2. Huyện Điện Biên

3. Thị xã Lai Châu.

**5. Tỉnh Lào Cai**

1. Huyện Bảo Thắng
2. Thị xã Cam Đường
3. Thị xã Lào Cai.

**6. Tỉnh Sơn La**

1. Huyện Mai Sơn
2. Thị xã Sơn La
3. Huyện Yên Châu.

**II. Các huyện thuộc tỉnh miền núi, vùng đồng bằng:**

**7. Tỉnh Bắc Giang**

1. Huyện Lục Ngạn
2. Huyện Lục Nam
3. Huyện Yên Thế.

**8. Tỉnh Hòa Bình**

1. Huyện Kim Bôi
2. Huyện Kỳ Sơn
3. Huyện Lạc Sơn
4. Huyện Lương Sơn
5. Huyện Lạc Thủy
6. Huyện Tân Lạc
7. Huyện Yên Thủy
8. Huyện Cao Phong.

**9. Tỉnh Lạng Sơn**

1. Huyện Bắc Sơn
2. Huyện Cao Lộc
3. Huyện Chi Lăng
4. Huyện Hữu Lũng
5. Huyện Lộc Bình
6. Huyện Tràng Định
7. Huyện Văn Lãng
8. Huyện Văn Quan.

**10. Tỉnh Phú Thọ**

1. Huyện Đoan Hùng
2. Huyện Hạ Hòa
3. Huyện Sông Thao
4. Huyện Thanh Ba
5. Huyện Tam Thanh
6. Huyện Phù Ninh.

**11. Tỉnh Quảng Ninh**

1. Huyện Hoành Bồ

09641762

- 2. Huyện Hải Ninh
  - 3. Huyện Tiên Yên
  - 4. Huyện Vân Đồn
  - 5. Huyện Hải Hà
  - 6. Huyện Đầm Hà.
- 12. Tỉnh Tuyên Quang**
- 1. Huyện Hàm Yên
  - 2. Huyện Sơn Dương
  - 3. Huyện Yên Sơn
  - 4. Thị xã Tuyên Quang.
- 13. Tỉnh Thái Nguyên**
- 1. Huyện Đồng Hỷ
  - 2. Huyện Đại Từ
  - 3. Huyện Định Hóa
  - 4. Huyện Phú Lương.
- 14. Tỉnh Yên Bái**
- 1. Huyện Trấn Yên
  - 2. Huyện Văn Yên
  - 3. Huyện Văn Chấn
  - 4. Huyện Yên Bình
  - 5. Thị xã Nghĩa Lộ.
- 15. Tỉnh Bình Phước**
- 1. Huyện Đồng Phú
  - 2. Huyện Phước Long
  - 3. Huyện Bình Long.
- 16. Tỉnh Đăk Lăk**
- 1. Huyện Cư Jút
  - 2. Huyện Cư M'gar
  - 3. Huyện Đăk R'Lấp
  - 4. Huyện Đăk Mil
  - 5. Huyện Ea H'Leo
  - 6. Huyện Ea Kar
  - 7. Huyện Krông Pắc
  - 8. Huyện Krông Búk
  - 9. Huyện Krông A Na
  - 10. Huyện Krông Năng.
- 17. Tỉnh Gia Lai**
- 1. Huyện An Khê
  - 2. Huyện Ayun Pa
  - 3. Huyện Chư Sê.

- 18. Tỉnh Kon Tum**
- 1. Thị xã Kon Tum.
- 19. Tỉnh Lâm Đồng**
- 1. Huyện Bảo Lâm
  - 2. Huyện Cát Tiên
  - 3. Huyện Di Linh
  - 4. Huyện Đạ Tẻh
  - 5. Huyện Đơn Dương
  - 6. Huyện Đức Trọng
  - 7. Huyện Đạ Huoai
  - 8. Huyện Lâm Hà.
- 20. Tỉnh Bình Thuận**
- 1. Huyện Bắc Bình
  - 2. Huyện Đức Linh
  - 3. Huyện Hàm Thuận Bắc
  - 4. Huyện Tánh Linh
  - 5. Huyện Hàm Thuận Nam.
- 21. Tỉnh Bình Định**
- 1. Huyện Hoài Ân
  - 2. Huyện Phù Mỹ
  - 3. Huyện Phù Cát
  - 4. Huyện Tây Sơn.
- 22. Tỉnh Hải Dương**
- 1. Huyện Chí Linh
  - 2. Huyện Kinh Môn.
- 23. Tỉnh Hà Tĩnh**
- 1. Huyện Hương Khê
  - 2. Huyện Hương Sơn
  - 3. Huyện Kỳ Anh
  - 4. Huyện Nghi Xuân.
- 24. Tỉnh Ninh Bình**
- 1. Thị xã Tam Điệp
  - 2. Huyện Nho Quan
  - 3. Huyện Yên Mô.
- 25. Tỉnh Nghệ An**
- 1. Huyện Anh Sơn
  - 2. Huyện Nghĩa Đàn
  - 3. Huyện Tân Kỳ
  - 4. Huyện Thanh Chương.
- 26. Tỉnh Ninh Thuận**
- 1. Huyện Ninh Hải

096411762

2. Huyện Ninh Phước.

**27. Tỉnh Phú Yên**

1. Huyện Sông Cầu
2. Huyện Tuy Hòa
3. Huyện Tuy An

**28. Tỉnh Quảng Trị**

1. Huyện Đăk Rông
2. Huyện Vĩnh Linh
3. Huyện Gio Linh
4. Huyện Cam Lộ
5. Huyện Triệu Phong
6. Huyện Hải Lăng.

**29. Tỉnh Quảng Nam**

1. Huyện Đại Lộc
2. Huyện Quế Sơn.

**30. Tỉnh Quảng Ngãi**

1. Huyện Nghĩa Hành
2. Huyện Sơn Tịnh.

**31. Tỉnh Thanh Hóa**

1. Huyện Thạch Thành.

**32. Tỉnh Thừa Thiên - Huế**

1. Huyện Nam Đông
2. Huyện Quảng Điền
3. Huyện Phong Điền
4. Huyện Hương Trà
5. Huyện Phú Lộc
6. Huyện Phú Vang.

**33. Tỉnh An Giang**

1. Huyện An Phú
2. Huyện Tri Tôn
3. Huyện Tịnh Biên
4. Huyện Thoại Sơn.

**34. Tỉnh Bạc Liêu**

1. Thị xã Bạc Liêu
2. Huyện Vĩnh Lợi.

**35. Tỉnh Cà Mau**

1. Huyện Thới Bình
2. Huyện Trần Văn Thời
3. Huyện Cái Nước
4. Huyện Đầm Dơi
5. Huyện Ngọc Hiển.

**36. Tỉnh Đồng Nai**

1. Huyện Định Quán
2. Huyện Tân Phú
3. Huyện Xuân Lộc
4. Huyện Long Khánh.

**37. Tỉnh Kiên Giang**

1. Huyện Châu Thành
2. Huyện Hòn Đất
3. Huyện Giồng Riềng
4. Huyện An Minh
5. Huyện Tân Hiệp
6. Thị xã Hà Tiên
7. Huyện Kiên Lương.

**38. Tỉnh Khánh Hòa**

1. Huyện Vạn Ninh
2. Huyện Cam Ranh
3. Huyện Diên Khánh.

**39. Tỉnh Sóc Trăng**

1. Huyện Long Phú
2. Huyện Mỹ Xuyên
3. Thị xã Sóc Trăng.

**40. Tỉnh Trà Vinh**

1. Huyện Cầu Ngang
2. Huyện Cầu Kè
3. Huyện Tiểu Cần.

**41. Tỉnh Vĩnh Phúc**

1. Huyện Lập Thạch
2. Huyện Tam Dương
3. Huyện Bình Xuyên.

**42. Tỉnh Cần Thơ**

1. Huyện Long Mỹ
2. Huyện Vị Thủy
3. Huyện Ô Môn.

**43. Tỉnh Tây Ninh**

1. Huyện Tân Biên
2. Huyện Tân Châu
3. Huyện Châu Thành
4. Huyện Bến Cầu.

**44. Tỉnh Thái Bình**

1. Huyện Thái Thụy.

096411762

**45. Tỉnh Long An**

1. Huyện Đức Huệ
2. Huyện Tân Hưng
3. Huyện Vĩnh Hưng
4. Huyện Mộc Hóa
5. Huyện Tân Thạnh
6. Huyện Đức Hòa.

**46. Tỉnh Đồng Tháp**

1. Huyện Hồng Ngự
2. Huyện Tân Hồng
3. Huyện Tam Nông
4. Huyện Tháp Mười.

**47. Tỉnh Tiền Giang**

1. Huyện Tân Phước.

**48. Tỉnh Quảng Bình**

1. Huyện Quảng Ninh
2. Huyện Lê Thủy
3. Huyện Bố Trạch
4. Huyện Quảng Trạch.

**49. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

1. Huyện Châu Đức
2. Huyện Xuyên Mộc.

**50. Tỉnh Vĩnh Long**

1. Huyện Trà Ôn
2. Huyện Tam Bình
3. Huyện Bình Minh.

**51. Thành phố Hà Nội**

1. Huyện Sóc Sơn.

**52. Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Huyện Cần Giờ
2. Huyện Nhà Bè.

**53. Tỉnh Bến Tre**

1. Huyện Thạnh Phú
2. Huyện Ba Tri
3. Huyện Bình Đại.

**54. Tỉnh Bắc Ninh**

1. Huyện Gia Bình
2. Huyện Quế Võ.

**55. Tỉnh Hà Tây**

1. Huyện Ba Vì.

**56. Thành phố Đà Nẵng**

1. Huyện Hòa Vang.

**57. Tỉnh Hà Nam**

1. Huyện Thanh Liêm.

**58. Tỉnh Hưng Yên**

1. Huyện Ân Thi
2. Huyện Phủ Cù
3. Huyện Tiên Lữ.

**59. Tỉnh Bình Dương**

1. Huyện Phú Giáo.

**DANH MỤC C****ĐỊA BÀN CÓ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ -****XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN****I. Các huyện thuộc tỉnh vùng núi cao, hải đảo:****1. Tỉnh Bắc Kạn**

1. Huyện Ba Bể
2. Huyện Bạch Thông
3. Huyện Chợ Mới
4. Huyện Chợ Đồn
5. Huyện Ngân Sơn
6. Huyện Na Rì.

**2. Tỉnh Cao Bằng**

1. Huyện Bảo Lạc
2. Huyện Hạ Lang
3. Huyện Hà Quảng
4. Huyện Hòa An
5. Huyện Nguyên Bình
6. Huyện Quảng Uyên
7. Huyện Thông Nông
8. Huyện Trà Lĩnh
9. Huyện Thạch An
10. Huyện Trùng Khánh
11. Huyện Phục Hòa.

**3. Tỉnh Hà Giang**

1. Huyện Bắc Mê
2. Huyện Đồng Văn
3. Huyện Hoàng Su Phì

096411762

4. Huyện Mèo Vạc
5. Huyện Quản Bạ
6. Huyện Vị Xuyên
7. Huyện Xín Mần
8. Huyện Yên Minh.

#### **4. Tỉnh Lai Châu**

1. Huyện Mường Lay
2. Huyện Mường Tè
3. Huyện Phong Thổ
4. Huyện Tủa Chùa
5. Huyện Tuần Giáo
6. Huyện Sìn Hồ
7. Huyện Điện Biên Đông
8. Huyện Mường Nhé
9. Huyện Tam Đường.

#### **5. Tỉnh Lào Cai**

1. Huyện Bắc Hà
2. Huyện Bát Sát
3. Huyện Mường Khương
4. Huyện Than Uyên
5. Huyện Văn Bàn
6. Huyện Sa Pa
7. Huyện Bảo Yên.

#### **6. Tỉnh Sơn La**

1. Huyện Bắc Yên
2. Huyện Mộc Châu
3. Huyện Mường La
4. Huyện Quỳnh Nhai
5. Huyện Thuận Châu
6. Huyện Sông Mã
7. Huyện Phù Yên.

#### **7. Tỉnh Bình Thuận**

1. Huyện Phú Quý.

#### **8. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

1. Huyện Côn Đảo.

#### **9. Thành phố Đà Nẵng**

1. Huyện Đảo Hoàng Sa.

#### **10. Thành phố Hải Phòng**

1. Huyện Bạch Long Vĩ
2. Huyện Cát Hải.

#### **11. Tỉnh Khánh Hòa**

1. Huyện Trường Sa.

#### **12. Tỉnh Kiên Giang**

1. Huyện Kiên Hải
2. Huyện Phú Quốc.

#### **13. Tỉnh Quảng Ninh**

1. Huyện Cô Tô.

#### **14. Tỉnh Quảng Ngãi**

1. Huyện Lý Sơn.

### **II. Các huyện thuộc tỉnh miền núi, vùng dân tộc đồng bằng:**

#### **15. Tỉnh Bắc Giang**

1. Huyện Sơn Động.

#### **16. Tỉnh Hòa Bình**

1. Huyện Đà Bắc
2. Huyện Mai Châu.

#### **17. Tỉnh Lạng Sơn**

1. Huyện Bình Gia
2. Huyện Định Lập.

#### **18. Tỉnh Phú Thọ**

1. Huyện Thanh Sơn
2. Huyện Yên Lập.

#### **19. Tỉnh Quảng Ninh**

1. Huyện Ba Chẽ
2. Huyện Bình Liêu.

#### **20. Tỉnh Tuyên Quang**

1. Huyện Chiêm Hóa
2. Huyện Na Hang.

#### **21. Tỉnh Thái Nguyên**

1. Huyện Võ Nhai.

#### **22. Tỉnh Yên Bái**

1. Huyện Lục Yên
2. Huyện Mù Cang Chải
3. Huyện Trạm Tấu.

#### **23. Tỉnh Đăk Lăk**

1. Huyện Đăk Nông
2. Huyện Krông Nô
3. Huyện Krông Bông
4. Huyện Lăk
5. Huyện Buôn Đôn
6. Huyện M'Drăk
7. Huyện Ea Súp
8. Huyện Đăk Song.

#### **24. Tỉnh Gia Lai**

1. Huyện Đức Cơ

09641762

- 2. Huyện K'Bang
- 3. Huyện Krông Pa
- 4. Huyện Kon Ch'ro
- 5. Huyện Mang Yang
- 6. Huyện Ia Grai
- 7. Huyện Chư Prông
- 8. Huyện Chư Păh.
- 25. Tỉnh Kon Tum**
  - 1. Huyện Đăk Tô
  - 2. Huyện Đăk Glei
  - 3. Huyện Kon Plông
  - 4. Huyện Sa Thầy
  - 5. Huyện Đăk Hà
  - 6. Huyện Ngọc Hồi
  - 7. Huyện Kon Rẫy.
- 26. Tỉnh Lâm Đồng**
  - 1. Huyện Lạc Dương.
- 27. Tỉnh Kiên Giang**
  - 1. Huyện An Biên
  - 2. Huyện Gò Quao
  - 3. Huyện Vĩnh Thuận.
- 28. Tỉnh Sóc Trăng**
  - 1. Huyện Mỹ Tú
  - 2. Huyện Thạnh Trị
  - 3. Huyện Vĩnh Châu
  - 4. Huyện Cù Lao Dung.
- 29. Tỉnh Trà Vinh**
  - 1. Huyện Châu Thành
  - 2. Huyện Trà Cú.
- 30. Tỉnh Bình Định**
  - 1. Huyện An Lão
  - 2. Huyện Vĩnh Thạnh
  - 3. Huyện Vân Canh.
- 31. Tỉnh Khánh Hòa**
  - 1. Huyện Khánh Vĩnh
  - 2. Huyện Khánh Sơn.
- 32. Tỉnh Ninh Thuận**
  - 1. Huyện Ninh Sơn.
- 33. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**
  - 1. Huyện Tân Thành.
- 34. Tỉnh Bạc Liêu**
  - 1. Huyện Hồng Dân.
- 35. Tỉnh Bình Phước**
  - 1. Huyện Bù Đăng
- 2. Huyện Lộc Ninh
- 36. Tỉnh Cà Mau**
  - 1. Huyện U Minh.
- 37. Tỉnh Thanh Hóa**
  - 1. Huyện Quan Hóa
  - 2. Huyện Bá Thước
  - 3. Huyện Lang Chánh
  - 4. Huyện Thường Xuân
  - 5. Huyện Quan Sơn
  - 6. Huyện Mường Lát
  - 7. Huyện Như Xuân
  - 8. Huyện Ngọc Lặc
  - 9. Huyện Cẩm Thủy
  - 10. Huyện Như Thanh.
- 38. Tỉnh Nghệ An**
  - 1. Huyện Kỳ Sơn
  - 2. Huyện Tương Dương
  - 3. Huyện Con Cuông
  - 4. Huyện Quế Phong
  - 5. Huyện Quỳ Hợp
  - 6. Huyện Quỳ Châu.
- 39. Tỉnh Quảng Bình**
  - 1. Huyện Minh Hóa
  - 2. Huyện Tuyên Hóa.
- 40. Tỉnh Quảng Trị**
  - 1. Huyện Hướng Hóa.
- 41. Tỉnh Thừa Thiên - Huế**
  - 1. Huyện A Lưới.
- 42. Tỉnh Quảng Nam**
  - 1. Huyện Hiên
  - 2. Huyện Giồng
  - 3. Huyện Phước Sơn
  - 4. Huyện Trà My
  - 5. Huyện Hiệp Đức
  - 6. Huyện Tiên Phước
  - 7. Huyện Núi Thành.
- 43. Tỉnh Quảng Ngãi**
  - 1. Huyện Ba Tơ
  - 2. Huyện Trà Bồng
  - 3. Huyện Sơn Tây
  - 4. Huyện Sơn Hà
  - 5. Huyện Minh Long
  - 6. Huyện Bình Sơn.

096411762

**44. Tỉnh Phú Yên**

1. Huyện Sơn Hòa
2. Huyện Sông Hình
3. Huyện Đồng Xuân./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 46/2002/QĐ-TTg ngày 03/4/2002 về việc thành lập Ban Tổ chức SEA Games lần thứ 22 năm 2003 tại Việt Nam.**

### **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao tại Công văn số 90/UBTDTT ngày 18 tháng 3 năm 2002,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban Tổ chức SEA Games lần thứ 22 năm 2003 tại Việt Nam gồm các thành viên sau đây:

- Trưởng Ban: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao.

- Phó trưởng Ban thường trực: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục Thể thao.

- Các Phó trưởng Ban:

1. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Các ủy viên:

1. Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.
2. Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Ủy ban Olympic Việt Nam.
3. Thứ trưởng Bộ Tài chính.
4. Thứ trưởng Bộ Xây dựng.
5. Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
6. Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.
7. Thứ trưởng Bộ Công an.
8. Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.
9. Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.
10. Thứ trưởng Bộ Y tế.
11. Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
12. Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
13. Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch.
14. Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện.
15. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.
16. Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.
17. Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.

**Điều 2.** Ban Tổ chức SEA Games lần thứ 22 năm 2003 tại Việt Nam hoạt động theo sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo Quốc gia chuẩn bị Đại hội Thể thao Đông Nam Á (Seagames) lần thứ 22 năm 2003 tại Việt Nam.

**Điều 3.** Ban Tổ chức SEA Games 22 có chức năng và nhiệm vụ như sau:

#### 1. Chức năng:

Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị và điều hành việc tổ chức SEA Games lần thứ 22 năm 2003 tại Việt Nam.

096411762